TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/DS-ST
Ngày: 18 – 02 – 2022
"V/v: *Yêu cầu công nhận quyền thừa kế, hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy GCNQSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và chia di sản thừa kế"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang**

Các Hội thẩm nhân dân

1. Bà **Nguyễn Minh Phương**
2. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thái Minh Ngọc** – Thư ký Toà án nhân dân quận K.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận K tham gia phiên toà: Bà **Lê Hoàng Dung** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố T T5 hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 273/2016/TLST-DSST ngày 19 tháng 10 năm 2016, thụ lý bổ sung ngày 03 tháng 7 năm 2018 và thụ lý bổ sung ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc *"Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu hủy GCNQSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Công nhận quyền thừa kế và hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 778/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 289/2021/QĐST-DS ngày 23/12/2021 và Thông báo về việc dời phiên tòa số 03/2022/TB-TA ngày 17/01/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Khưu Thị Thu T1**.

Địa chỉ: 495/23C T2, phường 16, quận V, thành phố T.

Đại diện ủy quyền của các nguyên đơn: Ông **Trần Văn S** (theo giấy ủy quyền số công chứng 5562 quyển số 03/2017/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/7/2017 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích L) – có mặt.

Địa chỉ: số 10 KDC tổ 6, đường V1, khu vực 4 phường B, quận K, thành phố T.

- *Bị đơn*: Ông **Khưu Kim T3.**

Địa chỉ: 169 T4, phường B1, quận K, thành phố T.

Bà **Khưu Thị Thu H.**

Địa chỉ: 167 T4, phường B1, quận K, thành phố T.

Đại diện ủy quyền của các bị đơn: Bà **Mai Thị Ngọc O** (theo giấy ủy quyền số công chứng: 674, quyển số 02/2020/TP/CC-SCC/GUQ ngày 09/11/2020 tại Văn phòng công chứng Huỳnh Dũng T5) – có mặt.

Địa chỉ: 58C V5, phường B1, quận K, thành phố T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư **Nguyễn Văn N1** – VPLS số 7 thuộc Đoàn luật sư thành phố T – có mặt.

Địa chỉ: 173 T4, phường B1, quận K, thành phố T.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ Lquan*:

1. **Ủy ban nhân dân quận K** *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: 215 T4, phường B1, quận K, thành phố T.

2. **Văn phòng Công chứng 24H** (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: 383B C, phường H1, quận K, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2016, ngày 18/6/2018, ngày 29/10/2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Khưu Thị Thu T1 trình bày:

Bà là con ngoài giá thú của ông Khưu H2, sinh năm 1928, chết ngày 20/3/2013 theo giấy chứng tử số 29/2013 do UBND phường B1, quận K, thành phố T cấp ngày 26/3/2013. Mẹ của bà là bà Lê Thị C2, sinh năm 1953.

Hiện gia đình của ba của bà có 02 người con là Khưu Thị Thu H, sinh năm 1966 và Khưu T5, sinh năm 1954. Vợ chính thức của ông Khưu H2 là Phạm Thị U, sinh năm 1927, chết ngày 13/01/2015 theo giấy chứng tử số 05/2015, do UBND phường B1cấp ngày 27/01/2015. Ông Khưu H2 chết không để lại di chúc. Tài sản để lại là 02 căn nhà:

- Nhà số 167 T4, phường B1, quận K, thành phố T có diện tích đất 225,5m^2 (ODT) và diện tích nhà xây dựng là 219,913m^2 thuộc thửa đất số 48 tờ bản đồ số 13 do bà Khưu Thị Thu H đứng tên và sử dụng theo GCNQSDĐ số CA 348534 (số

vào sổ cấp GCN: CH01809) do UBND quận K, thành phố T cấp ngày 03/7/2015

- Nhà số 169 T4, phường B1, quận K, thành phố T có diện tích đất 77,2m^2 (ODT) và diện tích nhà xây dựng là 77,2m^2 thuộc thửa đất số 51 tờ bản đồ số 13 do ông Khưu T5 đứng tên và sử dụng theo GCNQSDĐ số CA 348533 (số vào sổ cấp GCN: CH01810) do UBND quận K, thành phố T cấp ngày 03/7/2015.

Hiện tại, 02 căn nhà trên do ông T5 và bà H đã thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế theo pháp luật và bỏ sót người đồng thừa kế là bà. Nay bà yêu cầu tòa án xem xét các vấn đề sau:

- Yêu cầu Tòa án công nhận quyền thừa kế của bà đối với di sản do ba của bà là ông Khưu H2 chết để lại.

- Yêu cầu Tòa án xem xét hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà Khưu Thị Thu H và ông Khưu T5 ngày 06/4/2015 và phụ lục Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 04/6/2015 tại Văn phòng công chứng 24H.

- Yêu cầu Tòa án xem xét hủy GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 348534 (số vào sổ cấp GCN: CH01809) do UBND quận K, thành phố T cấp ngày 03/7/2015 do bà Khưu Thị Thu H đứng tên và hủy GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 348533 (số vào sổ cấp GCN: CH01810) do UBND quận K, thành phố T cấp ngày 03/7/2015 do ông Khưu T5 đứng tên.

- Xử lý trả lại phần thừa kế cho bà theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Khưu Thị Thu H và ông Khưu T5 trình bày:

Bà H và ông T5 từ nhỏ sống chung với ba mẹ là ông Khưu H2 và bà Phạm Thị U tại căn nhà số 167-169 T4, phường B1, quận K, thành phố T.

Khi còn sống cha, mẹ của ông Thành và bà H đã thỏa thuận người nào chết trước sẽ giao lại toàn bộ tài sản cho người còn lại.

Năm 2013 cha của ông bà qua thời gian bệnh nặng kéo dài đã qua đời giao lại toàn bộ tài sản cho mẹ của ông bà là bà Phạm Thị U nên ông Khưu H2 không còn tài sản nữa.

Đến năm 2015 mẹ của ông T5, bà H mất có trăn trối giao tài sản lại cho hai anh em. Ông Thành được sở hữu căn nhà 169 T4, phường B1, quận K, thành phố T. Bà H được sở hữu căn nhà 167 T4, phường B1, quận K, thành phố T.

Như vậy, bà H và ông T5 đã được thừa kế tài sản từ mẹ là bà Phạm Thị U. Sau đó cả hai đã đến Công chứng và làm thủ tục theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước và được Nhà nước công nhận chủ quyền sở hữu 02 căn nhà nói trên.

Còn việc bà Khưu Thị Thu T1 không phải là con của ông Khưu H2. Giấy xác nhận cha con trên chưa chứng minh được bà T1 là con của ông H2 – cha của bà H, ông Thành. Hơn nữa tài sản trên là tài sản của ông bà nhận thừa kế từ mẹ là

bà Phạm Thị U. Vậy, tài sản này là của ông Thành, bà H nên bà Thu T1 không có quyền thừa kế.

Ủy ban nhân dân quận K, thành phố T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt:

Văn phòng công chứng 24H (sau đây gọi tắt là VPCC 24H) trình bày:

Ngày 16/3/2015, VPCC 24H nhận được yêu cầu niêm yết thông báo của bà Khưu Thị Thu H về việc niêm yết tài sản do ông Khưu H2 và bà Phạm Thị U chết để lại. Căn cứ vào hồ sơ của bà Khưu Thị Thu H cung cấp, Văn phòng công chứng 24H thực hiện niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/3/2015 UBND phường B1phát hành thông báo số 07/TB-UBND thông báo về việc niêm yết của ông Khưu H2 và bà Phạm Thị U.

Ngày 06/4/2015, bà Khưu Thị Thu H và ông Khưu T5 yêu cầu VPCC 24H lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Sau khi đối chiếu các quy định của pháp luật, đối chiếu các loại giấy tờ chứng minh nhân thân, giấy chứng nhận QSDĐ, các giấy tờ hợp lệ khác đều là bản C2 do cơ quan có thẩm quyền cấp. Tại thời điểm thực hiện việc phân chia, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Công chứng viên cũng đã giải thích rõ việc lập văn bản thỏa thuận. Các bên trong văn bản cũng đã thống nhất nội dung. Sau đó, các đương sự đồng ý ký tên vào văn bản trước sự có mặt của Công chứng viên. Vì vậy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà Khưu Thị Thu H và ông Khưu T5 là phù hợp và tuân thủ các trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật tại thời điểm công chứng.

Trên đây là toàn bộ lời khai của VPCC 24H và cam kết những lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật với những lời khai trên.

Đồng thời, VPCC 24H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đối với VPCC 24H.

<u>Tại phiên tòa</u>:

Ông Trần Văn S là đại diện ủy quyền của nguyên đơn tranh luận: vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo các đơn khởi kiện ngày 04/10/2016, ngày 18/6/2018, ngày 29/10/2020, cụ thể:

- Yêu cầu Tòa án công nhận quyền thừa kế của bà T1 đối với di sản do ba của bà là ông Khưu H2 chết để lại và chia di sản thừa kế.

- Xin rút lại yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà Khưu Thị Thu H và ông Khưu T5 ngày 06/4/2015 và phụ lục Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 04/6/2015 tại VPCC 24H.

- Xin rút lại yêu cầu hủy GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 348534 (số vào sổ cấp GCN: CH01809) do UBND quận K, thành phố T cấp ngày 03/7/2015 do bà Khưu Thị Thu H đứng tên và hủy GCNQSDĐ QSH nhà

ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 348533 (số vào sổ cấp GCN: CH01810) do UBND quận K, thành phố T cấp ngày 03/7/2015 do ông Khưu T5 đứng tên.

Căn cứ để nguyên đơn khởi kiện là: Giấy khai sinh số 480 ngày 26/11/2008, Quyết định công nhận cha mẹ con nên xác định nguyên đơn bà T1 là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ 1 của ông Khưu H2; Tài sản thừa kế do ông H2 để lại là ½ của 02 căn nhà số 167-169 T4, phường B1, quận K, thành phố T theo GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 348534 (số vào sổ cấp GCN: CH01809) do UBND quận K, thành phố T cấp ngày 03/7/2015 do bà Khưu Thị Thu H đứng tên và GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 348533 (số vào sổ cấp GCN: CH01810) do UBND quận K, thành phố T cấp ngày 03/7/2015 do ông Khưu T5 đứng tên. Đề nghị Hội đồng xét xử chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với tài sản thừa kế vừa nêu trên. Do tài sản thừa kế đã được sang tên cho các bị đơn nên nguyên đơn đề nghị chia giá trị, giá trị yêu cầu chia theo Chứng thư thẩm định giá số: 1810/21/CT.SACC-CT ngày 15/11/2021 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam. Nguyên đơn đồng ý khấu trừ toàn bộ các chi phí liên quan đến việc chăm sóc, tang lễ của ông H2 cho các bị đơn theo văn bản ý kiến của bị đơn là 235.386.000 đồng.

Luật sư Nguyễn Văn N1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận: Căn cứ vào hồ sơ vụ án thể hiện vụ án được thụ lý năm 2016, các bị đơn được cấp GCN QSDĐQSH nhà ở năm 2015 nên các GCN là hợp pháp, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về hủy GCN và hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nên các bị đơn thống nhất. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại giấy khai sinh đã cấp cho nguyên đơn vì tại thời điểm làm giấy khai sinh ông Khưu H2 đã 80 tuổi không còn minh mẫn. Và theo ý kiến của các bị đơn lý do ông Khưu H2 làm giấy khai sinh nhận nguyên đơn làm con vì tính nhân đạo. Thời điểm năm 2008 nguyên đơn đang thuê nhà sinh sống tại nhà của ông H2, nguyên đơn có ý định đi nước ngoài nhưng khai sinh không có tên cha nên ông H2 đã đứng ra làm thủ tục nhận nguyên đơn làm con để thuận tiện cho việc đi nước ngoài. Tuy nhiên, trong trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia tài sản thừa kế thì đề nghị xem xét giá trị tài sản thừa kế theo giá trị của Phòng tài C2 kế hoạch quận K, thành phố T đã định giá vào năm 2017 vì căn cứ vào Biên bản công bố tài liệu chứng cứ ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân quận K về việc công bố chứng thư thẩm định giá số: 1810/21/CT.SACC-CT ngày 15/11/2021 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam không có ý kiến của bị đơn và đại diện ủy quyền của bị đơn về giá của chứng thư thẩm định.

Bà Mai Thị Ngọc O là đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: thống nhất với tranh luật của luật sư N1, bổ sung thêm ý kiến là không công nhận quyền thừa kế của nguyên đơn. Trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia tài sản thừa

kế thì đề nghị xem xét giá trị tài sản thừa kế theo giá trị của Phòng tài C2 kế hoạch quận K, thành phố T đã định giá vào năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến (Bài phát biểu số 30/PB-VKS-DS ngày 18/02/2022):

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực quy định tại Điều 26 về thẩm quyền giải quyết vụ án; Điều 68 về tư cách tham gia tố tụng; Điều 195, 196 về trình tự thụ lý và giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định, xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thực hiện đúng quy định. Vụ án đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm.

Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật Lquan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự thì nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lơi nghĩa vụ Lquan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Di sản thừa kế gồm 2 căn nhà:

1. Căn thứ nhất tọa lạc tại số 167 đường T4, phường B1, quận K, thành phố T, diện tích đất 225,5m^2, diện tích nhà xây dựng 219,913m^2 thuộc thửa số 48, TBĐ 13 (ODT).

2. Căn nhà tọa lạc tại số 169 đường T4, phường B1, quận K, thành phố T, diện tích đất 77,2 m^2, diện tích nhà xây dựng 77,2 m^2 thuộc thửa đất số 51, TBĐ 13 (ODT).

Hai căn nhà trên là tài sản chung của vợ chồng do ông Khưu H2 và bà Phạm Thị U tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Ông Khưu H2 chết ngày 20/3/2013 và bà Phạm Thị U chết ngày 13/01/2015 nên hai căn nhà trên là di sản do ông H2, bà U để lại Lúc sinh thời ông H2, bà U có 02 người con chung gồm: Ông Khưu T5và bà Khưu Thị Thu H. Do ông H2, bà U chết không để lại di chúc nên ông Thành, bà H đã thỏa thuận phân chia di sản thừa kế vào ngày 06/4/2015 cụ thể:

- Bà Khưu Thị Thu H nhận nhà và đất tọa lạc tại số 167 đường T4, phường B1, quận K, thành phố T, diện tích đất 213,45m^2 diện tích nhà 207,863m^2, diện tích nhà sử dụng 425,991m^2

- Ông Khưu T5 nhận nhà và đất tọa lạc tại số 169 đường T4, phường B1, quận K, thành phố T, diện tích đất 89,25m^2, diện tích nhà 89,25m^2.

Văn bản phân chia di sản thừa kế 6/4/2015 được VPCC 24H chứng thực theo quy định pháp luật, ông Khưu T5 đã được Ủy ban nhân dân quận K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CH01810 ngày 03/7/2015 thửa đất số 51, tờ bản đồ 13, diện tích 77,2m^2 tọa lạc tại số 169 đường T4, phường B1, quận K, thành phố T. Đồng thời bà Khưu Thị Thu H được Ủy ban nhân dân quận K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CH01809 ngày 03/7/2015 thửa đất số 48, tờ bản đồ 13, diện tích 225,5m^2 tọa lạc tại số 167 đường T4, phường B1, quận K, thành phố T.

Nguyên đơn bà Khưu Thị Thu T1 cho rằng bà là con của ông Khưu H2 và bà Lê Thị C2 nên bà thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Khưu H2 vì vậy bà được hưởng di sản thừa kế của ông Khưu H2 để lại. Do di sản của ông H2 bà U đã được ông Thành, bà H phân chia theo thỏa thuận bỏ sót bà T1 là người thừa kế nên bà T1 yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận K công nhận quyền thừa kế và yêu cầu được chia đối với di sản của ông Khưu H2, yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản thừa kế của bà Khưu Thị Thu H và ông Khưu T5 ngày 6/4/2015 và phụ lục Văn bản thỏa thuận phân chia di sản cùng ngày, yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ và quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất cấp cho ông Thành và bà H.

Xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân phường B1 cấp cho bà Khưu Thị Thu T1 ngày 20/7/1984 chỉ thể hiện mẹ bà T1 là bà Lê Thị C2 không thể hiện họ tên cha là ai. Đến năm 2008 ông Khưu H2 đăng ký nhận con đối với bà Khưu Thị Thu T1 và đã được Ủy ban nhân dân phường B1, quận K, thành phố T ban hành quyết định công nhận việc nhận cha mẹ cho con số 262 ngày 25/11/2008 có nội dung công nhận ông Khưu H2 là cha của bà Khưu Thị Thu Trang. Phía bị đơn bà H ông Thành cho rằng tại thời điểm xác nhận bà T1 là con thì ông H2 khoảng 80 tuổi không còn minh mẫn vì vậy bà T1 không phải là con của ông Khưu H2 nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, bà T1 đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bà T1 là con của ông Khưu H2 theo quyết định số 262 ngày 25/11/2008 và đến thời điểm hiện tại phía bị đơn không khiếu nại hay có yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ quyết định nêu trên nên trình bày của bà T1 bà là con của ông Khưu H2 là có căn cứ vì đã được pháp luật công nhận. Do ông Khưu H2 chết thì bà T1 là một trong những người thừa kế được hưởng di sản do ông Khưu H2 để lại theo quy định tại Điều 632,635 BLDS 2005.

Căn nhà số 167,169 nêu trên là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Khưu H2 và bà U. Năm 2013 ông Khưu H2 chết thì căn cứ vào luật hôn nhân gia

đình và luật dân sự 2005 thì ½ giá trị hai căn nhà là tài sản của bà U còn lại là ½ là di sản của ông Khưu H2.

Do ông Khưu H2 chết năm 2013 không để lại di chúc nên hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của ông Khưu H2 gồm: Bà U, ông Thành, bà H, bà T1mỗi người hưởng ¼ kỷ phần. Đến năm 2015 bà U chết thì ông Thanh, bà H tự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông H2, bà U nhưng không chia kỷ phần cho bà T1 đối với di sản của ông H2 là chưa đúng với quy định của pháp luật. Phía Bị đơn cho rằng ông H2 và bà U có thỏa thuận sau này ai chết trước thì giao lại toàn bộ tài sản cho người còn lại, nên khi ông H2 mất toàn bộ tài sản giao lại cho bà U và trước khi mất bà U trăn trối toàn bộ tài sản sẽ giao lại cho ông Thành, bà H. Nhận thấy đây là trình bày của bị đơn, nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bị đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh cho trình bày của bị đơn là không có căn cứ.

Từ các phân tích trên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T1yêu cầu công nhận bà thuộc hàng thừa kế thứ nhất và yêu cầu được hưởng thừa kế là ¼ kỷ phần di sản của ông Khưu H2 có căn cứ chấp nhận.

Do phần di sản thừa kế của ông H2 để lại có ¼ kỷ phần bà T1 được hưởng đã được bà H ông Thanh khai nhận và đang quản lý sử dụng và tại phiên tòa địa diện của nguyên đơn yêu cầu chỉ nhận giá trị không nhận hiện vật nên ông Thành bà H có nghĩa vụ giao trả lại cho bà T1¼ kỷ phần là di sản của ông H2 trên ½ giá trị tài sản.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu chia theo giá thị trường, đại diện bị đơn yêu cầu chia theo giá nhà nước nên áp dụng Điều 17 Thông tư 02/2014 ngày 28/3/2014 để áp dụng giá trung bình cộng.

Tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn đồng ý khấu trừ cho bà H, ông Thành tiền sửa chữa nhà, tiền viện phí chữa bệnh, tiền mai táng cho ông H2 số tiền là 235.386.000 đồng. Nhận thấy đây là sự tự nguyện của đương sự có lợi cho bị đơn nên ghi nhận cấn trừ vào nghĩa vụ của ông Thành, bà H.

- Do nhà và đất số 169 T4, phường B1, quận K, thành phố T ông Thành quản lý sử dụng nên ông Thành có nghĩa vụ trả lại cho bà T1 số tiền là giá trung bình cộng của Chứng thư thẩm định giá số 1810/21/CT.SACC-CT ngày 15/11/2021 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam và giá trị tài sản theo Công văn số 788 ngày 10/8/2017 của Phòng tài C2 kế hoạch quận K trừ số tiền 117.693.000 đồng/4, ông Thành có nghĩa vụ trả lại cho bà T1 số tiền chênh lệch kỷ phần đã nhận vượt.

- Do nhà và đất số 167 T4, phường B1, quận K, thành phố T bà H quản lý sử dụng nên bà H có nghĩa vụ trả lại cho bà T1 số tiền là giá trung bình cộng của Chứng thư thẩm định giá số 1810/21/CT.SACC-CT ngày 15/11/2021 của Công ty

cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam và giá trị tài sản theo Công văn số 788 ngày 10/8/2017 của Phòng tài C2 kế hoạch quận K trừ số tiền 117.693.000 đồng/4, bà H có nghĩa vụ trả lại cho bà T1số tiền chênh lệch kỷ phần đã nhận vượt.

- Đối với yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 06/4/2015 và yêu cầu hủy hai giấy CNQSDĐQSH nhà ở cấp cho ông Thành, bà H do tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút yêu cầu nên đình chỉ giải quyết.

Từ phân tích trên

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án công nhận quyền thừa kế và yêu cầu chia thừa kế ¼ kỷ phần đối với di sản của ông Khưu H2 để lại: Buộc ông Thành, bà H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà T1 số tiền như đã phân tích trên.

- Đình chỉ yêu cầu hủy Văn bản phân chia di sản ngày 6/4/2015 và yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận QSDĐ và QSH nhà số 348534 thửa số 48, diện tích 225,5m^2 do Ủy ban nhân dân quận K cấp cho bà Khưu Thị Thu H ngày 3/7/2015 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ và quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất theo GCNQSDĐ số 348533 thửa số 51, diện tích 77,2m^2 do Ủy ban nhân dân quận K cấp cho ông Khưu T5 ngày 3/7/2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả tranh tụng được thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ Lquan là UBND quận K, thành phố T và VPCC 24H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là có căn cứ. Đối với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh T do bị đơn bà H đã tất nợ, xóa đăng ký thế chấp nên không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà T1có đơn khởi kiện cho rằng mình là con ngoài giá thú của ông Khưu H2, có khai sinh, ông H2 chết năm 2013 không để lại di chúc. Hai người anh và chị cùng cha khác mẹ với bà T1đã khai nhận di sản thừa kế do ông H2 chết để lại và đã làm các thủ tục được cấp GCNQSDĐQSH nhà ở đối với di sản do ông H2 chết để lại mà không thông báo cho mình biết nên bà T1có đơn khởi kiện đối với các bị đơn. Do vậy, Tòa án xác định tranh chấp trong vụ án là "Yêu cầu công nhận quyền thừa kế, yêu cầu hủy VBTTPCDSTK, hủy GCNQSDĐQSH nhà ở và tranh chấp chia di sản thừa kế" tranh chấp này do Bộ luật dân sự năm 2005 điều chỉnh. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận K và tài sản tranh chấp là bất động sản thuộc địa bàn quận K, thành phố T nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo

quy định tại khoản 5, khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Di sản thừa kế trong vụ kiện được xác định là do ông Khưu H2 để lại. Ông Khưu H2 chết ngày 20/3/2013 theo giấy chứng tử số 29/2013 do UBND phường B1, quận K, thành phố T cấp ngày 26/3/2013. Vậy, thời điểm mở thừa kế được xác định là năm 2013. Đến ngày 04/10/2016 nguyên đơn bà Khưu Thị Thu H đã có đơn khởi kiện tại Tòa án, do vậy xác định việc khởi kiện của nguyên đơn là còn trong thời hiệu 30 năm về thời hiệu thừa kế theo Điều 623 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà T1có các yêu cầu khởi kiện như sau:

4.1 - Yêu cầu Tòa án công nhận quyền thừa kế và yêu cầu chia di sản thừa kế đối với di sản do ba của bà là ông Khưu H2 chết để lại.

- Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ vào Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân phường B1 cấp cho bà Khưu Thị Thu T1 ngày 20/7/1984 chỉ thể hiện mẹ bà T1là bà Lê Thị C2 không thể hiện họ tên cha là ai. Đến năm 2008 ông Khưu H2 đăng ký nhận con đối với bà Khưu Thị Thu T1 và đã được Ủy ban nhân dân phường B1, quận K, thành phố T ban hành quyết định công nhận việc nhận cha mẹ cho con số 262 ngày 25/11/2008 có nội dung công nhận ông Khưu H2 là cha của bà Khưu Thị Thu Trang. Trên cơ sở đó bà T1 đã được UBND quận K, thành phố T ra Quyết định thay đổi, cải C2 hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính số 271/QĐ-BUND ngày 26/11/2008 và được UBND phường B1, quận K, thành phố T cấp lại Giấy khai sinh số 480, quyển số 02 ngày 26/11/2008.

Phía bị đơn bà H ông Thành thì cho rằng tại thời điểm xác nhận bà T1là con thì ông H2 khoảng 80 tuổi không còn minh mẫn vì vậy bà T1không phải là con của ông Khưu H2.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng đã có đơn đề nghị sao lục toàn bộ thủ tục có liên quan đến việc xin xác nhận con của ông Khưu H2. Tòa án cũng đã thu thập chứng cứ, được UBND phường B1 cung cấp toàn bộ hồ sơ có liên quan. Qua xem xét hồ sơ do UBND phường B1 cung cấp gồm: tờ khai đăng ký việc nhận con ngày 21/11/2008 do ông Khưu H2 ký tên, giấy khai sinh số 480, quyển số 02 do UBND phường B1 cấp ngày 20/7/1984, 01 biên bản xác minh ngày 24/11/2008, 01 biên bản về việc đăng ký nhận cha, mẹ, con ngày 22/11/2008 và chứng minh nhân dân của ông Khưu H2, bà Lê Thị C2, bà Khưu Thị Thu Trang. Qua xem xét các quy định tại các điều 32, 33 và 34 của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của C2 phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch, Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông Khưu H2 xin nhận con là hoàn toàn phù hợp các quy định của pháp luật và đến thời điểm hiện nay không có cơ quan có thẩm quyền nào hủy bỏ quyết định nêu

trên nên trình bày của bị đơn cho rằng bà T1 không phải là con của ông Khưu H2 là không có cơ sở. Từ phân tích này thấy rằng bà T1l à con của ông Khưu H2 vì đã được pháp luật công nhận. Do ông Khưu H2 chết không để lại di chúc nên bà T1 là một trong những người được quyền thừa kế hưởng di sản theo pháp luật.

- Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn: bà T1 cho rằng tài sản thừa kế do ông Khưu H2 chết để lại là ½ của 02 căn nhà và đất số 167 – 169 T4, phường B1, quận K, thành phố T theo:

+ GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 348534 (số vào sổ cấp GCN: CH01809) do UBND quận K, thành phố T cấp ngày 03/7/2015 do bà Khưu Thị Thu H đứng tên (gọi tắt là căn nhà 167)

+ GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 348533 (số vào sổ cấp GCN: CH01810) do UBND quận K, thành phố T cấp ngày 03/7/2015 do ông Khưu T5đứng tên (gọi tắt là căn nhà 169).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ có liên quan đến trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận của căn nhà 167 và 169 có nguồn gốc từ GCNQSH nhà ở và QSDĐ ở số 5401061399 (hồ sơ gốc số 99/2002) do UBND tỉnh T (cũ) cấp ngày 03/9/2002 cho ông Khưu H2 và bà Phạm Thị U - có địa chỉ cũ là 35-37 đường T4, phường B1, thành phố T thuộc thửa đất số 48+51, tờ bản đồ số 13. Như vậy, căn nhà số 167 và 169 nêu trên là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Khưu H2 và bà Phạm Thị U. Năm 2013 ông Khưu H2 chết nên căn cứ vào luật hôn nhân gia đình và Bộ luật dân sự 2015 thì ½ của hai căn nhà là tài sản của bà U, còn lại ½ của hai căn nhà là di sản của ông Khưu H2.

Do ông Khưu H2 chết năm 2013 không để lại di chúc nên hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của ông Khưu H2 gồm 04 người là: Bà U, ông Thành, bà H, bà Trang. Mỗi người hưởng ¼ kỷ phần thừa kế đối với di sản do ông H2 chết để lại.

Đến năm 2015 bà U chết thì ông Thành, bà H đã tự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông H2, bà U nH2 không chia kỷ phần cho bà T1đối với di sản của ông H2 là chưa đúng với quy định của pháp luật.

Phía Bị đơn cho rằng ông H2 và bà U có thỏa thuận sau này ai chết trước thì giao lại toàn bộ tài sản cho người còn lại nên khi ông H2 mất toàn bộ tài sản giao lại cho bà U và trước khi mất bà U trăn trối toàn bộ tài sản sẽ giao lại cho ông Thành, bà H. Nhận thấy đây là trình bày của bị đơn và trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày của bị đơn.

4.2 – Xét yêu cầu Tòa án xem xét hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà Khưu Thị Thụ H và ông Khưu T5ngày 06/4/2015 và phụ lục Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 04/6/2015 tại Văn phòng công chứng

24H

4.3 Yêu cầu Tòa án xem xét hủy GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 348534 (số vào sổ cấp GCN: CH01809) do UBND quận K, thành phố T cấp ngày 03/7/2015 do bà Khưu Thị Thu H đứng tên và hủy GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 348533 (số vào sổ cấp GCN: CH01810) do UBND quận K, thành phố T cấp ngày 03/7/2015 do ông Khưu T5đứng tên của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi ông H2 chết không để lại di chúc, bà H và ông Thành đã tự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế mà không có tên, không thông báo cho bà T1biết vì cho rằng bà T1không phải là con của ông Khưu H2. Văn bản công chứng về việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của của VPCC 24H là căn cứ vào Thông báo số 07/TB-UBND của UBND phường B1thông báo về việc niêm yết của ông Khưu H2 và bà Phạm Thị U là đúng quy định của pháp luật về thừa kế nên ông Thành và bà H đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền QSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là đúng trình tự, quy định pháp luật được thể hiện tại công văn số 287 ngày 29/4/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận K trả lời công văn số 594 của Tòa án. Lẽ ra, cần thiết phải hủy VBTTPCDS và hủy 02 GCNQSDĐ đã cấp cho các bị đơn vì đã bỏ sót người thừa kế nH2 căn cứ vào quy định tại Điều 662 Bộ luật dân sự năm 2015 thì "*trường hợp đã phân chia di sản mà xuất hiện người thừa kế mới thì không thực hiện việc phân chia lại bằng hiện vật, nH2 những người thừa kế đã nhận di sản phải thanh toán cho người thừa kế mới một khoản tiền tương ứng với phần di sản của người đó tại thời điểm chia thừa kế theo tỉ lệ tương ứng với phần di sản đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".* Do phần di sản thừa kế của ông H2 để lại có ¼ kỷ phần bà T1được hưởng đã được bà H ông Thành khai nhận và đang quản lý sử dụng nên ông Thành bà H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà T1¼ kỷ phần là di sản của ông H2 tương ứng với kỷ phần thừa kế mỗi người đã nhận. Mặc khác, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu được hưởng một phần di sản thừa kế của ông Khưu H2 trong khối di sản thừa kế do ông H2, bà U để lại bằng giá trị chứ không yêu cầu chia hiện vật nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải hủy Văn bản phân chia di sản và không có căn cứ hủy hai giấy chứng nhận QSDĐ và QSH nhà đã cấp cho ông Thành, bà H là phù hợp với quy định tại Điều 662 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay đại diện ủy quyền của nguyên đơn đã rút lại yêu cầu hủy VBTTPCDS và hủy 02 GCNQSDĐ nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc tự nguyện rút yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Xét trình bày của bị đơn bà H về việc các bị đơn đã tu sửa nhà và các chi phí hợp lý cho việc chăm sóc ốm đau và chi phí mai táng cho ông Khưu H2: Bị đơn bà H vào ngày 17/01/2022 có nộp 01 Bảng kê khai chi phí tiền sửa chữa nhà, viện

phí điều trị và mai táng phí của ông Khưu H2 với tổng chi phía các khoản là 235.386.000đồng và có yêu cầu nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì phải xem xét khấu trừ các khoản này cho các bị đơn.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn cũng đồng ý khấu trừ toàn bộ số tiền 235.386.000đồng vào giá trị di sản thừa kế của ông Khưu H2 theo 1810/21/CT.SACC-CT ngày 15/11/2021 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam, sau đó sẽ chia thừa kế đối với giá trị còn lại theo quy định của pháp luật.

Mặc dù 02 bị đơn không có đơn phản tố và không nộp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho các khoản chi nêu trên nH2 phía đại diện nguyên đơn đã tự nguyện đồng ý khấu trừ, Hội đồng xét xử thấy rằng các khoản chi phí theo bảng kê khai của bị đơn cũng phù hợp với quy định tại Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2015 nên ghi nhận.

Về việc cho thuê nhà của bị đơn: Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bị đơn xác định 02 bị đơn hiện đang cho người khác thuê 02 căn nhà 167- 169 T4, phường B1. Do tài sản thừa kế chỉ chia giá trị, tài sản vẫn giao cho các bị đơn sở hữu nên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của những người thuê nhà. Do vậy, Hội đồng xét xử không triệu tập những người thuê nhà vào tham gia tố tụng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tranh luận về việc yêu cầu áp dụng giá trị tài sản theo kết quả định giá do Tòa án thành lập.

Đại diện nguyên đơn lại yêu cầu Tòa án chấp nhập mức giá theo kết quả của Chứng thư thẩm định giá số: 1810/21/CT.SACC-CT ngày 15/11/2021 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam để làm căn cứ chia di sản thừa kế đối với phần tài sản thuộc sở hữu của ông Khưu H2.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

+ Căn cứ vào Công văn số 788/PTCKH ngày 10/8/2017 của Phòng tài C2 kế hoạch quận K, thành phố T về việc định giá đối với 02 căn nhà nêu trên có tổng giá trị là 11.090.934.168 đồng/2 = **5.545.467.084 đồng**.

+ Căn cứ vào kết quả của Chứng thư thẩm định giá số: 1810/21/CT.SACC-CT ngày 15/11/2021 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam về việc định giá đối với 02 căn nhà nêu trên có tổng giá trị là 39.808.303.000 đồng/2 = **19.904.151.500 đồng**.

Đối với yêu cầu chia tài sản theo mức giá theo Công văn số 788/PTCKH ngày 10/8/2017 của Phòng tài C2 kế hoạch quận K, thành phố T là không phù hợp với thực tế, bởi vì kết quả định giá này từ năm 2017 đến nay là hơn 4 năm nên nếu áp dụng mức giá này để chia là thiệt thòi cho quyền lợi của nguyên đơn. Đối với yêu cầu chia tài sản theo Chứng thư thẩm định giá số: 1810/21/CT.SACC-CT ngày 15/11/2021 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam của nguyên

đơn là phù hợp với mức giá thị trường tại thời điểm giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào "*Khoản 5 Điều 104 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 18 Thông tư Ltịch số 02/2014/TTLT của Tòa án nhân dân tối cao, Viên kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, Bộ tài C2"* để xem xét chấp nhận mức giá theo kết quả của Chứng thư thẩm định giá số: 1810/21/CT.SACC-CT ngày 15/11/2021 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam về việc định giá đối với 02 căn nhà nêu trên có tổng giá trị là 39.808.303.000 đồng/2 = 19.904.151.500 đồng làm căn cứ chia tài sản thừa kế**.**

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 609, 610, 649, 650, 651, 685, 660, 662 BLDS 2015 thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T1về việc yêu cầu công nhận bà thuộc hàng thừa kế thứ nhất và yêu cầu được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của ông Khưu H2 là có căn cứ chấp nhận.

Bà T1được chia thừa kế ¼ kỷ phần đối với di sản của ông Khưu H2 để lại. Tương ứng tổng diện tích nhà đất là di sản của ông H2 theo Chứng thư thẩm định số: 1810/21/CT.SACC-CT ngày 15/11/2021 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam là: 19.904.151.500 đồng (mười chín tỷ chín trăm lẻ bốn triệu một trăm năm mươi mốt ngàn năm trăm đồng), khấu trừ chi phí tiền sửa chữa nhà, viện phí điều trị và mai táng phí của ông Khưu H2 với tổng chi phí các khoản là 235.386.000 đồng cho 02 bị đơn = 19.668.765.500đồng/4 = làm tròn là 4.917.191.000đồng/1 kỷ phần. Các bị đơn có nghĩa vụ thối lại cho nguyên đơn một phần tài sản do nhận thừa kế vượt phần, cụ thể:

- Ông Khưu T5tiếp tục được sở hữu nhà và đất số 169 đường T4, phường B1, quận K, thành phố T, theo Chứng thư thẩm định số: 1810/21/CT.SACC-CT ngày 15/11/2021 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam có giá là 10.915.100.000 đồng nên ông Thành có nghĩa vụ thối lại cho bà T1số tiền: (10.915.100.000 đồng/2) = (5.457.550.000đồng – 4.917.191.000đ) = 540.359.000 đồng.

- Do bà H nhận tài sản nhiều hơn ông Thành, ông Thành không có yêu cầu bà H chia thừa kế lại đối với kỷ phần nhận vượt từ kỷ phần của bà U là có lợi cho bà H nên Hội đồng xét xử không xem xét phần này. Bà Khưu Thị Thu H tiếp tục được sở hữu nhà và đất số 167 đường T4, phường B1, quận K, thành phố T nên bà H có nghĩa vụ thối lại cho bà T1số tiền: giá trị 01 kỷ phần thừa kế là 4.917.191.000 đồng – 540.359.000 đồng (là phần chênh lệch của ông Thành) = 4.376.832.000 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

+ Yêu cầu hủy Văn bản phân chia di sản ngày 06/4/2015, Hủy phụ lục Văn bản phân chia di sản ngày 04/6/2015 của VPCC 24H.

+ Yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận QSDĐ và QSH nhà số 348534 thửa số 48, diện tích 225,5m^2 do Ủy ban nhân dân quận K cấp cho bà Khưu Thị Thu H ngày 3/7/2015 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ và quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất theo GCNQSDĐ số 348533 thửa số 51, diện tích 77,2m^2 do Ủy ban nhân dân quận K cấp cho ông Khưu T5ngày 3/7/2015.

Xét quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận K là có một phần thống nhất với quan điểm của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Xét tranh luận của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và của đại diện ủy quyền của bị đơn là không có căn cứ.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Các đương sự được hưởng di sản thừa kế phải chịu án phí trên tổng giá trị tài sản mình được hưởng theo quy định. Theo đó mỗi kỷ phần thừa kế sẽ được hưởng giá trị tài sản là 4.917.191.000 đồng/1 kỷ phần. Riêng bà H và ông Thành đã tự thỏa thuận chia tài sản nên đối với phần đã chia không phải chịu án phí, bà H và ông Thành chỉ phải chịu án phí trên phần có nghĩa vụ với nguyên đơn bà Trang. Cụ thể:

- Ông Thành phải chịu án phí trên số tiền 540.359.000 đồng là: 20.000.000 đồng + 4%(phần vượt quá 400.000.000 đồng) = 25.614.360 đồng.

- Bà H phải chịu án phí trên số tiền 4.376.832.000 đồng là: 112.000.000 đồng + 0,1%(phần vượt quá 4.000.000.000 đồng) = 112.376.832 đồng.

Nguyên đơn bà T1phải nộp 112.917.191 đồng, bà T1đã nộp tạm ứng án phí 46.000.000đồng theo biên lai thu số 002918 ngày 17/10/2016; 600.000 đồng theo biên lai thu số 003283 ngày 12/11/2020 và 600.000 đồng theo biên lai thu số 007981 ngày 03/7/2018 được chuyển thành án phí, nguyên đơn bà T1phải nộp tiếp 65.717.191 đồng.

[7] Về chi phí tố tụng (đo đạc, định giá tài sản) là: 49.500.000 đồng. Mỗi người phải chịu 49.500.000 đồng/ 3 = 16.500.000 đồng, nguyên đơn bà T1đã tạm ứng nên bị đơn bà H, ông Thành mỗi người phải trả lại cho bà T116.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 5, 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147; 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, 610, 623, 649, 651, 658, 660, 662 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khưu Thị Thu T1 đối với các bị đơn bà Khưu Thị Thu H, ông Khưu T5.

Công nhận bà Khưu Thị Thu T1thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Khưu H2.

Công nhận ½ giá trị của căn nhà số 167 T4, phường B1, quận K, thành phố T theo GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 348534 (số vào sổ cấp GCN: CH01809) do UBND quận K, thành phố T cấp ngày 03/7/2015 do bà Khưu Thị Thu H đứng tên và ½ giá trị của căn nhà số 169 T4, phường B1, quận K, thành phố T GCNQSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 348533 (số vào sổ cấp GCN: CH01810) do UBND quận K, thành phố T cấp ngày 03/7/2015 do ông Khưu T5đứng tên là di sản thừa kế do ông Khưu H2 để lại. Bà Khưu Thị Thu T1được hưởng thừa kế theo pháp luật là ¼ kỷ phần đối với di sản của ông Khưu H2 để lại. Tổng giá trị ½ của 02 căn nhà đất vừa nêu trên có giá là: **19.904.151.500 đồng** (mười chín tỷ chín trăm lẻ bốn triệu một trăm năm mươi mốt ngàn năm trăm đồng), khấu trừ chi phí tiền sửa chữa nhà, viện phí điều trị và mai táng phí của ông Khưu H2 với tổng chi phí các khoản là 235.386.000 đồng cho 02 bị đơn nên giá trị chia thừa kế còn lại 19.668.765.500đồng/4 = làm tròn là 4.917.191.000đồng/1 kỷ phần. Các bị đơn có nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn một phần tài sản do nhận thừa kế vượt phần, cụ thể:

- Ông Khưu T5tiếp tục được sở hữu nhà và đất số 169 đường T4, phường B1, quận K, thành phố T theo GCNQSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 348533 (số vào sổ cấp GCN: CH01810) do UBND quận K, thành phố T cấp ngày 03/7/2015, ông Thành có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Khưu Thị Thu T1số tiền: 540.359.000 đồng (*năm trăm bốn mươi triệu ba trăm năm mươi chín ngàn đồng*)

- Bà Khưu Thị Thu H tiếp tục được sở hữu nhà và đất số 167 đường T4, phường B1, quận K, thành phố T, theo GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 348534 (số vào sổ cấp GCN: CH01809) do UBND quận K, thành phố T cấp ngày 03/7/2015, bà H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Khưu Thị Thu T1số tiền: 4.376.832.000 đồng (*bốn tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm ba mươi hai ngàn đồng*).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

+ Yêu cầu hủy Văn bản phân chia di sản ngày 6/4/2015, Hủy phụ lục Văn bản phân chia di sản ngày 04/6/2015 của VPCC 24H.

+ Yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận QSDĐ và QSH nhà số 348534 thửa số 48, diện tích 225,5m^2 do Ủy ban nhân dân quận K cấp cho bà Khưu Thị Thu H ngày 3/7/2015 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ và quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất theo GCNQSDĐ số 348533 thửa số 51, diện tích 77,2m^2 do Ủy ban nhân dân quận K cấp cho ông Khưu T5ngày 3/7/2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà H phải nộp: 112.376.832 đồng, ông Thành phải nộp 25.614.360 đồng án phí.

Nguyên đơn bà Khưu Thị Thu T1 phải nộp 112.917.191đồng án phí. Bà T1 đã nộp tạm ứng án phí 46.000.000đồng theo biên lai thu số 002918 ngày 17/10/2016; 600.000 đồng theo biên lai thu số 003283 ngày 12/11/2020 và 600.000 đồng theo biên lai thu số 007981 ngày 03/7/2018 được chuyển thành án phí, nguyên đơn bà T1 phải nộp tiếp 65.717.191 đồng.

Về chi phí tố tụng (đo đạc, định giá tài sản) là: 49.500.000 đồng. Bà Trang, bà H và ông Thành mỗi người phải chịu 16.500.000 đồng. Nguyên đơn bà T1đã tạm ứng nên bị đơn bà H, ông Thành mỗi người phải trả lại cho bà T1 16.500.000 đồng.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TANDTPCT;*
- *VKSNDQNK;*
- *THADSQNK;*
- *Các đs;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG